

Số: 33/2023/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 19 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 680/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Thu T, sinh năm 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 212 (Cũ 102) đường Đ, phường T, Thành phố H, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã B, thị xã H, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 212 (Cũ 102) đường Đ, phường T, Thành phố H, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Thu T và anh Phạm Ngọc T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Thu T và anh Phạm Ngọc T.

- Về con chung: Chị Dương Thị Thu T và anh Phạm Ngọc T xác nhận vợ

chồng có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc Minh A, sinh ngày 20/10/2014; hiện nay cháu Phạm Ngọc Minh A đang ở với chị Dương Thị Thu T. Nay ly hôn chị Dương Thị Thu T và anh Phạm Ngọc T thỏa thuận giao cháu Phạm Ngọc Minh A cho chị Dương Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phạm Ngọc Minh A trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Phạm Ngọc T không cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Dương Thị Thu T và anh Phạm Ngọc T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Dương Thị Thu T và anh Phạm Ngọc T mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Chị Dương Thị Thu T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn của cả hai người là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Dương Thị Thu T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004536 ngày 10 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H, tỉnh H. Chị Dương Thị Thu T đã nộp đủ án phí, nay hoàn trả lại cho chị Dương Thị Thu T số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh H;
- VKSND Thành phố H;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường T, Thành phố H (Anh T, chị T ĐKKH số 89, ngày 27/8/2014)
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dân án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Trọng Cẩn